Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8539.29.10

Mã HS	8539.29.10
Mô tả hàng hóa	Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Các loại bóng đèn dây tóc khác, trừ bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại: / - - Loại khác: / - - - Dùng cho thiết bị y tế
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	07/11/2026 15:13:03
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85392910/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15922
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15922
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15922
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-BN)	0% (trừ BN)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MM)	0% (trừ MM)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15261
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15193
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15193
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15193
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15193
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15193
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15193
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15249
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15249
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15249
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15249

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15249
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15249
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15250
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15250
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15250
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15250
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15250
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15250
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15251
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15199
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F15207
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G15207
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H15207
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I15207
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J15207
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K15207
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15247
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15247
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15247
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15247
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15247
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15247
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15304
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15304
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15304
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15304

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15304
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15304
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D15283
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E15283
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F15283
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G15283
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H15283
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I15283
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15281
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15281
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15281
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15281
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15281
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15281
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15287
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15287
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15287
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15287
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15287
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15287
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15286
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15286
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15286
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15286
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15286
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15286

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15277
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15277
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15277
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15277
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15277
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15277
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15277
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15274
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15274
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15274
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15274
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15274
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15274
RCEP B	2022	2022	0	B!D15274
RCEP B	2023	2023	0	B!E15274
RCEP B	2024	2024	0	B!F15274
RCEP B	2025	2025	0	B!G15274
RCEP B	2026	2026	0	B!H15274
RCEP B	2027	2027	0	B!I15274
RCEP C	2022	2022	0	C!D15274
RCEP C	2023	2023	0	C!E15274
RCEP C	2024	2024	0	C!F15274
RCEP C	2025	2025	0	C!G15274
RCEP C	2026	2026	0	C!H15274
RCEP C	2027	2027	0	C!I15274
RCEP D	2022	2022	0	D!D15273

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E15273
RCEP D	2024	2024	0	D!F15273
RCEP D	2025	2025	0	D!G15273
RCEP D	2026	2026	0	D!H15273
RCEP D	2027	2027	0	D!I15273
RCEP E	2022	2022	0	E!D15277
RCEP E	2023	2023	0	E!E15277
RCEP E	2024	2024	0	E!F15277
RCEP E	2025	2025	0	E!G15277
RCEP E	2026	2026	0	E!H15277
RCEP E	2027	2027	0	E!I15277
RCEP F	2022	2022	0	F!D15274
RCEP F	2023	2023	0	F!E15274
RCEP F	2024	2024	0	F!F15274
RCEP F	2025	2025	0	F!G15274
RCEP F	2026	2026	0	F!H15274
RCEP F	2027	2027	0	F!I15274
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14238
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14238
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14238
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14238

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8539.29 có 8 dòng thuế; dòng 8539.29.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Dùng cho thiết bị y tế.	8539.29.20 Dùng cho xe có động cơ; 8539.29.30 Bóng đèn phản xạ khác; 8539.29.41 Loại thích hợp dùng cho thiết bị y tế; 8539.29.49 Loại khác; 8539.29.50 Loại khác, có công suất trên 200 W nhưng không quá 300 W và điện áp trên 100 V; 8539.29.60 Loại khác, có công suất không quá 200 W và điện áp không quá 100 V	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 8539.29.10 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 8539.29.10	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8539.29.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8539.29.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15922), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.